

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /UBND-VX

Tuy Phước, ngày tháng 7 năm 2024

V/v đẩy nhanh tiến độ cập nhật,
chuẩn hoá và làm sạch dữ liệu
trẻ em thực hiện Đề án 06

Kính gửi: UBND các xã, thị trấn.

Thực hiện Công văn số 2354/SLĐT BXH-TE&BDG ngày 10/7/2024 của Sở Lao động - TB&XH về việc đẩy nhanh tiến độ cập nhật, chuẩn hoá và làm sạch dữ liệu trẻ em thực hiện Đề án 06.

Hiện nay, trên phần mềm quản lý thông tin trẻ em của huyện, số trẻ em đã được cập nhật và làm sạch dữ liệu là **28.554/45.349** tổng số trẻ em, chiếm tỷ lệ **63%** (có phụ lục kèm theo).

Để tiếp tục duy trì, bổ sung, xác minh mã định danh và làm sạch dữ liệu trẻ em tại địa phương, Chủ tịch UBND huyện yêu cầu UBND các xã, thị trấn tập trung triển khai một số công việc, cụ thể như sau:

1. Chỉ đạo cán bộ phụ trách công tác trẻ em địa phương phối hợp với các cơ quan, hội, đoàn thể liên quan tiếp tục rà soát, cập nhật dữ liệu trẻ em chưa được cập nhật trên phần mềm quản lý thông tin trẻ em tại địa phương; việc cập nhật thông tin trẻ em tại địa phương phải đảm bảo về an toàn, bảo mật tài khoản, mật khẩu và dữ liệu trẻ em trên phần mềm quản lý thông tin trẻ em tại địa phương.

2. Đẩy nhanh việc rà soát, chuẩn hóa và làm sạch dữ liệu trẻ em theo quy trình, hướng dẫn của Bộ Lao động - TB&XH tại Công văn số 2513/LĐT BXH-TTTT ngày 14/7/2022 về chuẩn hóa và làm sạch dữ liệu trẻ em thực hiện Đề án 06 (có Công văn kèm theo).

3. Báo cáo kết quả thực hiện việc rà soát, cập nhật, chuẩn hóa và làm sạch dữ liệu trẻ em trên phần mềm quản lý thông tin trẻ em tại địa phương gửi về UBND huyện (qua Phòng Lao động - TB&XH huyện) trước ngày **30/9/2024** để tổng hợp báo cáo UBND tỉnh và Sở Lao động - TB&XH.

Yêu cầu Chủ tịch UBND các xã, thị trấn tổ chức triển khai thực hiện theo quy định./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Sở LĐ-TB&XH (đ/b);
- CT, PCT UBND huyện (Đ/c Tân);
- Phòng LĐ-TB&XH huyện;
- PCVPVX, CVVP (K5);
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hùng Tân

PHỤ LỤC

Thông kê dữ liệu trẻ em địa phương trên phần mềm quản lý thông tin trẻ em
(Kèm theo Công văn số /UBND-VX ngày /7/2024
của Chủ tịch UBND huyện)

TT	Tên địa phương	Tổng số trẻ em theo báo cáo của địa phương đến tháng 7/2024	Số trẻ em đã được cập nhật dữ liệu	Số trẻ em chưa được cập nhật dữ liệu	Số trẻ em đã làm sạch dữ liệu	Số trẻ em chưa làm sạch dữ liệu	Tỷ lệ trẻ em được làm sạch dữ liệu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (3) - (4)	(6)	(7) = (4)-(6)	(8)
1	Phước Hưng	3.158	2.583	575	1.731	852	54,81
2	Phước Quang	2.987	2.873	114	2.345	528	78,51
3	Phước Hòa	3.252	2.584	668	1.333	1.251	40,99
4	Phước Thắng	2.562	2.435	127	2.001	434	78,10
5	Phước Sơn	5.502	3.949	1.553	2.698	1.251	49,04
6	Phước Thuận	3.624	3.347	277	2.161	1.186	59,63
7	Phước Hiệp	3.958	3.304	654	3.304	-	83,48
8	Phước Lộc	3.995	3.128	867	2.669	459	66,81
9	Phước Nghĩa	1.432	1.144	288	1.144	-	79,89
10	Phước An	4.487	3.998	489	2.572	1.426	57,32
11	Phước Thành	3.201	2.625	576	1.579	1.046	49,33
12	TT Tuy Phước	3.935	3.102	833	2.768	334	70,34
13	TT Diêu Trì	3.256	3.034	222	2.249	785	69,07
Tổng cộng:		45.349	38.106	7.243	28.554	9.552	63